

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI LAI  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/DS-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thụy Đăng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

*Bi đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

*Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1959 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà Phan Thị Bạch L, sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1950 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Định Hoà A, xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 11/3/2019 (âm lịch là ngày 06/02/2019), bà có tham gia dây hụi tháng 1.000.000 đồng do bà Phạm Thị T (Tám T) ngụ ấp Thới Phước 2, xã Tân Thạnh làm chủ với 30 hụi viên tham gia. Hình thức là 01 tháng mở hụi 01 lần, bắt đầu vào ngày 11/3/2019. Hụi mở được 18 lần, lần thứ 18 vào ngày 24/8/2020 thì bà T vẫn đi thu tiền hụi của hụi viên mà không giao cho người hốt hụi rồi tuyên bố bẻ hụi. Các lần thu tiền hụi của hụi viên là do con trai bà T là Trương Chí T1 đi thu. Bà có nhiều lần gặp bà T và ông T1 để yêu cầu trả lại cho bà số tiền hụi đã đóng là 10.040.000 đồng nhưng không trả. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hụi đã đóng là 10.040.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ông Trương Chí T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/03/2024: Ông là con ruột của bà T là bị đơn trong vụ án tranh chấp hụi, việc các bên tranh chấp ông không có ý kiến gì, nhưng trước đây mẹ ông không biết chạy xe, đi lại khó khăn nên có kêu ông đi lấy tiền dùm, có gửi cho ông khi mẹ ông vắng nhà, sau đó ông đưa lại cho mẹ ông toàn bộ số tiền đã nhận. Ông chỉ nhận dùm và đưa lại cho mẹ ông nên ông không có trách nhiệm phải trả lại số tiền mà ông đã nhận.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà T vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Chí T1 có đơn xin vắng mặt, bà Phạm Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Giữa bà Nguyễn Thị N có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị T làm chủ hụi. Do đây hụi bà N tham gia không tiếp tục mở nữa nhưng bà T không trả tiền hụi lại cho hụi viên nên phát sinh tranh chấp. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Phạm Thị T trả lại số tiền hụi đã đóng là 10.040.000 đồng (tương đương 18 lần đóng hụi). Bị đơn bà T vắng mặt nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy: Bà N có cung cấp 01 giấy hụi do bà T đưa cho bà khi tham dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 06/02/2019 (âl). Bà N khai rõ các lần mở hụi, tên hụi viên hốt hụi trong tháng với số tiền hốt hụi và đóng hụi (bút lục 49, 50), khi đóng hụi thì có khi đưa tiền cho bà T có khi đưa cho ông T1 con bà T (việc này được ông T1 xác nhận ở biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2024 là có thu tiền hụi dùm bà T và ông T1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu đòi tiền hụi của bà N). Đối chiếu lời khai của bà N với lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án là bà Nguyễn Thị K, bà Phan Thị Bạch Ln, bà Nguyễn Thị T2 (bút lục 58, 59, 60), thì có việc bà T làm chủ dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 06/02/2019 (âl), có 30 hụi viên tham gia, đến giữa năm 2020 tương đương với lần mở hụi thứ 18 thì bà T không mở hụi nữa và bà T không trả lại tiền hụi đã đóng cho các hụi viên (trong đó có bà N). Phía bà T là chủ hụi nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ cho việc bà không có nợ tiền hụi bà N hoặc việc tranh chấp tiền nợ hụi giữa hai bên đã giải quyết xong. Từ những căn cứ nêu trên, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét, chấp nhận. Cần buộc bà T phải trả cho bà N số tiền hụi đã đóng là 10.040.000 đồng.

Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền vốn hụi đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hụi là 10.040.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp 502.000 đồng (năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0007414 ngày 22/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thụy Đăng Phượng**